UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TAM XUÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2158 /QĐ-UBND	*Tam Xuân, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Nâng cấp Kênh N3.2.7

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ TAM XUÂN

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 03/9/2026 của Hội đồng nhân dân xã Tam Xuân về việc thông qua danh mục thực hiện từ nguồn vốn đầu tư và nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026; danh mục công trình thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 và Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của HĐND thành phố và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND xã Tam Xuân về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; công trình thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Công văn số 14102/SNNMT-CCTNNTL ngày 06/10/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng về việc trả lời đề nghị của Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tam Xuân tại Tờ trình số 150/TTr-TTCU ngày 28/9/2026;

Căn cứ Công văn 2062/CT-KT ngày 14/10/2026 của Công ty TNHH Một thành viên khai thác thủy lợi Đà Nẵng về việc góp ý thiết kế, dự án Nâng cấp kênh N3.2.7 Nam Phú Ninh;

Căn cứ văn bản số 110/KQTĐ-TTCUDVSNC ngày 23/10/2026 của Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tam Xuân về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, dự án: Nâng cấp kênh N3.2.7;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số 474/KQTĐ-KT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Phòng Kinh tế về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án: Nâng cấp kênh N3.2.7;

Theo đề nghị của Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tam Xuân tại Tờ trình số 165/TTr-TTCUDVSNC ngày 23 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp Kênh N3.2.7 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp Kênh N3.2.7

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm C.
- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và môi trường (thuỷ lợi).
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 20 năm.

3. Mã định danh (nếu có): Không có.

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng dự án; vị trí xây dựng công trình trình thẩm định: Thôn Phú Nam, xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng.

- Điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế: Đây là dự án nâng cấp tuyến kênh hiện trạng nên hướng tuyến bám theo hướng tuyến kênh N3.2.7 hiện trạng đang khai thác vận hành. Điểm đầu giao với tuyến kênh chính chạy dọc theo tuyến đường GTNT từ QL1A đến Cầu Máng.

- Diện tích sử dụng đất của dự án: 0,04ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Tam Xuân.

6. Chủ đầu tư: Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tam Xuân.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng (nếu có):

- Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Hùng Minh Phát

- Mã số doanh nghiệp: 4001321148.

8. Mục tiêu dự án: Nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng lực dẫn, điều tiết và phân phối nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; bảo đảm cung cấp nước tưới chủ động, kịp thời cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn. Đồng thời, hạn chế thất thoát nước, giảm thiểu tình trạng sạt lở, hư hỏng bờ kênh, nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi, giảm chi phí duy tu, sửa chữa và công lao động trong quá trình quản lý, vận hành

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô đầu tư:

Đầu tư Nâng cấp kênh N3.2.7 có chiều dài là 411,07m; khẩu độ tuyến kênh là BXH=70x60cm.

9.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

- Đoạn từ lý trình Km0 ÷ Km0+373,39: Kích thước mặt cắt BxH=(70x60)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200 đá 1x2, thành và đáy kênh có chiều dày t=15cm, độ dốc đáy kênh i=0,0007; mỗi đơn nguyên 10,0m có tấm nắp kết cấu bê tông cốt thép M250 có chiều dày t=15cm, giữa các đơn nguyên có khớp nối bằng bao tải nhựa đường, đặt trên lớp bê tông lót M100 đá 2x4 chiều dày 5cm; chiều rộng bờ kênh B=50cm, hệ số mái đất đào, đắp bờ kênh phía trong m=1,0; phía ngoài m=1,0; hệ số đầm chặt đất đắp k=0,95.

- Đoạn khoảng 37,68m tiếp theo (từ Km0+373,39 đến Km0+411,07): Kích thước mặt cắt BxH=(70x60)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200 đá 1x2, thành và đáy kênh có chiều dày t=15cm, độ dốc đáy kênh i=0,0007, mỗi đơn nguyên 10,0m có 03 thanh giằng kích thước BxH=(10x10)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200 đá 1x2 chống đầu tường đổ bê tông trực tiếp, giữa các đơn nguyên có khớp nối bằng bao tải nhựa đường, đặt trên lớp bê tông lót M100 đá 2x4 chiều dày 5cm; chiều rộng bờ kênh B=50cm, hệ số mái đất đào, đắp bờ kênh phía trong m=1,0, phía ngoài m=1,0, hệ số đầm chặt đất đắp k=0,95.

- Công trình trên kênh:

+ Cống tưới: Gồm 01 cái làm mới tại vị trí K0+180. Thân cống kết cấu ống nhựa PVC D200mm, dày 5,9mm bọc bê tông xi măng M200 đá 1x2 bao quanh; thiết kế cửa van phẳng kích thước BxH=(24x30)cm, dàn đóng mở và vít me bằng thép để điều tiết;

+ Cống đầu kênh: gồm 01 cống có kích BxH=(40x40)cm tại vị trí K0+389. Cống đầu kênh giữ nguyên hiện trạng, chỉ sửa chữa cửa vào lấy nước từ kênh hình thang qua kênh hình hộp, kết cấu bê tông M200, dày 20cm.

- Hoàn trả mặt đường BTXM tại các vị trí vuốt dân sinh và cống tưới qua đường với kết cấu BTXM M200 đá 1x2 dày 18cm đặt trên lớp CPĐD Dmax 25 dày 15cm.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

Bao gồm tiêu chuẩn khảo sát, tiêu chuẩn thiết kế và tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	**Tiêu chuẩn khảo sát**	
1	Quy phạm đo vẽ mặt cắt, bình đồ địa hình công trình thủy lợi	TCVN 8223:2009
2	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
3	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2026
4	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000; 1:10000; 1:25000 (phần ngoài trời)	96TCN 43:90
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008
II	**Tiêu chuẩn thiết kế**	
1	Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế	QCVN 04-05:2022/BNNPTNT
2	Tiêu chuẩn quốc gia về công trình thủy lợi, hệ thống dẫn chuyển nước	TCVN 4118:2021
3	Đất xây dựng công trình thuỷ lợi - Phân loại	TCVN 8217:2009
4	Tiêu chuẩn thiết kế Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài	TCVN 7957:2023
5	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế:	TCVN 5574:2018
6	Quy chuẩn kỹ thuật QG về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
7	Và các tiêu chuẩn, văn bản hiện hành khác có liên quan	
III	**Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu**	
1	Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật thi công	TCVN 8642:2011
2	Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủ	TCVN 4253:2012

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
3	Tiêu chuẩn quốc gia về công trình thủy lợi	TCVN 11362:2016
4	Công tác đất – Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2024
5	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
6	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:2025
7	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác có liên quan	

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

- Tổng mức đầu tư xây dựng dự án

+ Bằng số: **1.440.000.000 đồng.**

+ Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng chẵn

- Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Chi phí xây dựng	:	1.238.577.000	đồng
Chi phí quản lý dự án	:	29.585.000	đồng
Chi phí tư vấn xây dựng	:	127.158.000	đồng
Chi phí khác	:	44.651.000	đồng
Chi phí dự phòng	:	29.000	đồng

12. Thời gian thực hiện dự án/giai đoạn thực hiện dự án/phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án: Năm 2026-2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư:

+ Nguồn ngân sách thành phố: 1.008.000.000 đồng (vốn ngân sách thành phố năm 2026 hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn tăng thu NSTP năm 2025).

+ Nguồn ngân sách xã: 432.000.000 đồng.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Bố trí không quá 03 năm kể từ năm 2026.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

16. Các nội dung khác (nếu có): Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư (Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tam Xuân) có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp cùng các tổ chức tư vấn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm quản lý thi công công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ và thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Một số lưu ý của Phòng Kinh tế xã Tam Xuân được nêu tại Văn bản số 474/KQTĐ-KT ngày 30 tháng 10 năm 2026, đề nghị chủ đầu tư tổ chức, triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

3. Hoàn chỉnh các hồ sơ thủ tục theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng để triển khai thực hiện.

4. Phối hợp cùng đơn vị thi công, tư vấn giám sát và các đơn vị có liên quan thực hiện xác định chính xác khối lượng, vật tư đúng thực tế thi công tại công trình trước khi tổ chức nghiệm thu, thanh toán.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tam Xuân; Trưởng Phòng giao dịch số 6 - KBNN Khu vực XIII và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Đảng uỷ, TT HĐND&UBND xã;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND xã;
- CT và các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Linh

huonglv1 - 01/11/2026 12:28:09 - huonglv1 - huonglv1 - huonglv1